TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘ ĐỨC** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Trường Chinh

2. Ông Phạm Minh Bạch

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bà Lê Thị Bích Thuyền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thanh Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 174/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim T

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Võ Thanh T1

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị T, anh T1 vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2022, bản tự khai ngày 28/10/2022, nguyên đơn chị Trần Thị Kim T trình bày:*

Chị và anh Võ Thanh T1 tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống. Nay tình cảm giữa chị và anh T1 không còn, chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Võ Thanh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 chung tên Võ Nhật V, sinh ngày 07/01/2006 và Võ Nhật Kim O, sinh ngày 24/5/2018. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung, chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản trình bày ngày 30/12/2022 bị đơn anh Võ Thanh T1 trình bày:*

Anh và chị Trần Thị Kim T tìm hiểu, yêu thương nhau, được sự cho phép của hai bên gia đình nên anh và chị T tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, thường xuyên cải vã, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay anh và chị T ly thân mấy năm nay, phần ai lo cho cuộc sống của người đó, không còn quan tâm đến nhau, nay chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T có 02 chung tên Võ Nhật V, sinh ngày 07/01/2006 và Võ Nhật Kim O, sinh ngày 24/5/2018, hiện nay các con chung đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh cấp dưỡng cho con, anh đồng ý.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của nguyên đơn, bị đơn đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trần Thị Kim T được ly hôn anh Võ Thanh T1.

+ Giao con chung Võ Nhật V, sinh ngày 07/01/2006 và Võ Nhật Kim O, sinh ngày 24/5/2018 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho con.

+ Tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh T1 trình bày không có.

+ Đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung

[2.1] Về quan hệ hôn nhân

Chị Trần Thị Kim T và anh Võ Thanh T1 kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, quan hệ hôn nhân chị T và anh T1 là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh T1 có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Chị T yêu cầu ly hôn, anh T1 đồng ý, điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn anh T1 đồng ý là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung

Chị T và anh T1 có 02 con chung tên Võ Nhật V, sinh ngày 07/01/2006 và Võ Nhật Kim O, sinh ngày 24/5/2018. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, anh T1 đồng ý. Cháu Văn có nguyện vọng được ở với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy 02 con chung đang sống với chị T, anh T1 đồng ý giao 02 con cho chị T nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao 02 con chung tên Võ Nhật V, sinh ngày 07/01/2006 và Võ Nhật Kim O, sinh ngày 24/5/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con

Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung

Chị T, anh T1 trình bày không có

[2.4] Về nợ chung

Chị T, anh T1 trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí

Chị Trần Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[2.6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim T được ly hôn anh Võ Thanh T1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Nhật V, sinh ngày 07/01/2006 và Võ Nhật Kim O, sinh ngày 24/5/2018 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho con. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T, anh T1 trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị T, anh T1 trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Kim T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003557 ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Minh Vương